TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2025/DS - PT
Ngày: 28 -8- 2025
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn và ông Trần Trung Thành
- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh –Thư ký TAND tỉnh Quảng Trị.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLPT- DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về "tranh chấp đòi lại tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch (nay TAND khu vực 1- Quảng Trị) do bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2025/QĐ-PT ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn Khương H 1, xã Bố T, tỉnh Quảng Trị (nguyên thôn Khương H 1, xã Hưng T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình cũ). Bà V có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị V: Bà Phan Thị Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị. Bà T có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1952; nơi cư trú: thôn Khương H 1, xã Bố T, tỉnh Quảng Trị (nguyên thôn Khương H 1, xã Hưng T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình cũ). Bà L có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè, vợ chồng bà V đã bàn bạc cho bà Phạm Thị L mượn 2,5 chỉ vàng 9999 vào ngày 01/01/2007, bà V viết vào sổ nhưng không

nói bà L ký. Đến ngày 20/3/2016, bà V yêu cầu bà L trả vàng nhưng bà L cho rằng đã trả. Hai bên cãi cọ nên bà L nhớ lại việc chưa trả cho bà V nên bà V viết giấy mượn vàng và bà L đã ký vào giấy. Tháng 5/2024, biết bà L bán được cao su nên bà V đến gặp bà L để đòi lại số vàng đã mượn nhưng bà L không trả. Do đó, bà V đã làm đơn gửi đến thôn Khương H 1 giải quyết, tại buổi hòa giải ngày 26/5/2024 bà L cho rằng bà V giả mạo chữ ký của bà L chứ bà L không mượn vàng của bà V. Sau thời gian 05 ngày kể từ ngày thôn tổ chức hòa giải, con dâu bà L là chị Phạm Thị H gọi điện thoại cho con gái bà V là chị Phạm Thị Hồng N cùng tới nhà bà V và nói trả 01 chỉ vàng, còn 1 chỉ rưỡi vàng bà V xoá hết nợ cho bà L nhưng bà V không đồng ý. Vì vậy, bà V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà V số tiền 20.250.000 đồng, quy ra giá trị VN đồng tại thời điểm khởi kiện tương đương 2,5 chỉ vàng 9999 (vàng 24K).

Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Năm 2004, bà L có nhờ bà Trần Thị V hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng và bà V giới thiệu vay số tiền 1.000.000 đồng của chị Lê Thị H tại xã Cự N, huyện Bố T. Được 01 năm (tức là năm 2005), bà L trả được 200.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi, còn 800.000 đồng tiền gốc bà V nói quy sang thành 2,5 chỉ vàng chứ bà L không hề có việc vay mượn vàng từ bà V. Sau đó, bà V liên tục đòi nên năm 2017 con dâu bà L là chị Phạm Thị H đến gặp bà V trả 10.000.000 đồng có bà L cán bộ phụ nữ thôn chứng kiến mà không lập giấy tờ gì. Đến tháng 5/2024, bà V yêu cầu bà L trả 2,5 chỉ vàng nhưng bà L không đồng ý việc mượn vàng. Bà L thừa nhận có mượn tiền của chị H (cháu bà V) và con dâu bà L là chị Phạm Thị H đã trả cho bà V số tiền 10.000.000 đồng. Giấy mượn vàng do bà V lập ngày 20/3/2016 không phải chữ ký của bà L. Vì vậy, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Kết luận giám định số 243/KL-KTHS ngày 03/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình; áp dụng Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V, buộc bà Phạm Thị L phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị V số tiền tương đương 2,5 chỉ vàng 9999 (tức là vàng 24K) quy ra giá trị VN đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 13/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch (nay TAND khu vực 1- Quảng Trị) đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; khoản 1 Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với bà Phạm Thị L. Buộc bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị V và ông Phạm Văn N số tiền 27.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/6/2025 bị đơn bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: giám định lại chữ ký của bị đơn vì có dấu hiệu giả mạo chữ ký và không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 17/7/2025, bị đơn đã làm đơn rút kháng cáo về nội dung giám định lại chữ ký của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà L không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giám định lại chữ ký của bị đơn. Bị đơn chỉ giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào kết luận giám định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V, buộc bà Phạm Thị L phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị V số tiền tương đương 2,5 chỉ vàng 9999 (tức là vàng 24K) quy ra giá trị VN đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo được làm trong thời hạn luật định và đảm bảo về nội dung theo các quy định tại Điều 272, 273 và Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tài liệu do nguyên đơn cung cấp là tờ viết tay "Giấy mượn vàng" có nội dung: Bà Phạm Thị L mượn bà Trần

Thị V 2 chỉ rưỡi vàng đã lâu, tại thời điểm bà V mua 1 chỉ vàng có giá trị 500.000 đồng. Nay làm giấy lại bà Phạm Thị L mượn vàng. Ngày viết lại giấy mượn vàng là ngày 20/3/2016 (dương lịch); ngày 12/2/2016 (âm lịch). Giấy mượn vàng không thể hiện thời hạn trả.

Theo nguyên đơn thì thời điểm cho bà L mượn 2,5 chỉ vàng 9999 vào ngày 01/01/2007**.** Bà L không thừa nhận chữ ký của bà L tại tờ giấy viết tay "Giấy mượn vàng" do bà V cung cấp cho Toà án.

Quá trình giải quyết tại Toà án, bà L chỉ thừa nhận có sự việc nhờ bà V hỏi vay của chị Lê Thị H (là cháu của bà V) số tiền 1.000.000 đồng vào năm 2004 và đã trả 200.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi; còn 800.000 đồng tiền gốc bà V quy sang 2,5 chỉ vàng. Năm 2017, con dâu của bà L là Phạm Thị H đã trả cho bà V số tiền 10.000.000 đồng.

Quá trình Toà án giải quyết và tại phiên toà sơ thẩm chị H khẳng định không cho bà Phạm Thị L mượn tiền. Mặt khác, nếu bà L mượn tiền của chị H thì khi có sự việc mượn 1.000.000 đồng vào năm 2004 nay trả tiền vào năm 2017 bà L tự nguyện trả 10.000.000 đồng thì bà L phải trực tiếp trả cho chị H, chứ không phải trả cho bà V. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tuy bà L không thừa nhận chữ ký, chữ viết tại Giấy mượn vàng ngày 20/3/2016 là chữ ký, chữ viết của bà L nhưng căn cứ Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình thể hiện tại bản viết tay "Giấy mượn vàng" do bà V cung cấp tại Tòa án thì chữ viết "L" tại "Giấy mượn vàng" là do bà L viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị V và ông Phạm Văn N số tiền 27.500.000 đồng, tương ứng 2,5 chỉ vàng 9999 (tức là 24K), quy ra giá trị VN đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp, có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn - bà Phạm Thị L kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Xét bà L có đơn xin miễn án phí vì thuộc diện người có công với cách mạng và người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS – ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay TAND khu vực 1-Quảng Trị).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với bà Phạm Thị L.

- Buộc bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị V và ông Phạm Văn N số tiền 27.500.000 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/8/2025).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 1;
- THADS Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.